

#### KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN BỘ MÔN KỸ THUẬT PHẦN MỀM

# Bài 06: TÀI NGUYÊN ỨNG DỤNG TRONG ANDROID

GVGD: ThS. Đặng Thế Hân

Biên soạn: ThS. Giang Hào Côn



#### Muc tiêu

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đa ngôn ngữ trong ứng dụng Android và cách xử lý tập tin ngôn ngữ lập trình ứng dụng trên Android.



### Nội dung

- 1) Đa ngôn ngữ
- 2) Xử lý tập tin trong Android



- **Da ngôn ngữ trong android** giúp cho ứng dụng android có thể hiển thị giao diện với nhiều ngôn ngữ khác nhau tuỳ thuộc vào việc người dùng lựa chọn ngôn ngữ hiển thị trên thiết bị của họ.
- Mặc định android sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh là ngôn ngữ chính và nạp chuỗi từ res ⇒ values ⇒ strings.xml. Do đó, nếu ta muốn bổ sung thêm những ngôn ngữ khác, ta cần phải tạo thư mục với tên được đặt theo quy tắc là value-mã ngôn ngữ theo từng quốc gia.
- Ví dụ nếu ta muốn thêm tiếng Việt, bạn sẽ phải tạo một thư mục với tên values-vi, sao chép tập tin strings.xml vào trong thư mục này và dịch tất cả các chuỗi sang ngôn ngữ tiếng Việt.



Bảng Ngôn ngữ Android hỗ trợ.

| Language   | Locale                   | values/strings.xml    |
|------------|--------------------------|-----------------------|
| German     | de values-de/strings.xml |                       |
| Chinese    | zh values-zh/strings.xml |                       |
| Czech      | CS                       | values-cs/strings.xml |
| Dutch      | nl                       | values-nl/strings.xml |
| French     | fr values-fr/strings.xml |                       |
| Japanese   | ja values-ja/strings.xml |                       |
| Korean     | ko                       | values-ko/strings.xml |
| Thai       | th                       | values-th/strings.xml |
| Vietnamese | vi                       | values-vi/strings.xml |



#### Hoạt động đa Ngôn ngữ Android như sau:

- Khi người dùng thay đổi ngôn ngữ điện thoại thông qua thiết lập Settings ⇒ Language & Input, hệ điều hành Android sẽ tự kiểm tra đối với các nguồn tài nguyên ngôn ngữ thích hợp trong ứng dụng.
- Nếu ứng dụng hỗ trợ lựa chọn ngôn ngữ, android tìm kiếm các nguồn tài nguyên phù hợp với ngôn ngữ được chọn từ values-(mã nguôn ngữ).
- Nếu các chuỗi bị thiếu, android sẽ nạp các chuỗi đó từ tập tin strings.xml (res ⇒ values ⇒ strings.xml)



#### Một số lưu ý khi xử lý đa ngôn ngữ:

- Luôn luôn khai báo các chuỗi trong tập tin strings.xml
   <string name="your\_address">Enter your address</string>
- Sử dụng nó trong tập tin giao diện xml
   <TextView ... android:text="@string/your\_address" />
- Truy xuất nó trong mã java

txtAddress.setText(R.string.your\_address);



#### Một số lưu ý khi xử lý đa ngôn ngữ:

- Không nên làm chỉ định trực tiếp trong xml hay trong mã java
   <TextView ... android:text="Enter your address" /> txtAddess.setText("Enter your address");
- Các bước thực hiện

Sử dụng project hiện có hoặc tạo mới project trong Android Studio và thực hiện các bước bên dưới để tạo ứng dụng android hỗ trợ 2 ngôn ngữ là tiếng Việt và tiếng Anh



#### Các bước thực hiện:

**Bước 1**: Mở tập tin strings.xml và bố sung nội dung sau trước thẻ **/resources>**.

```
<string name="welcome">Welcome!</string>
<string name="username">Username</string>
<string name="password">Password</string>
<string name="login">Login</string>
<string name="signup">Don\'t have account? Sign Up</string>
```



#### Các bước thực hiện:

**Bước 2**: Tạo thư mục với tên values-vi bên dưới thư mục res, thực hiện: Chuột phải res => chọn New => chọn Directory => nhập tên thư mục là values-vi.

**Bước 3**: Sao chép tập tin strings.xml từ thư mục values và dán vào thư mục values-vi.





#### Các bước thực hiện:

**Bước 4**: Việt hoá nội dung trong tập tin strings.xml của thư mục values-vi.

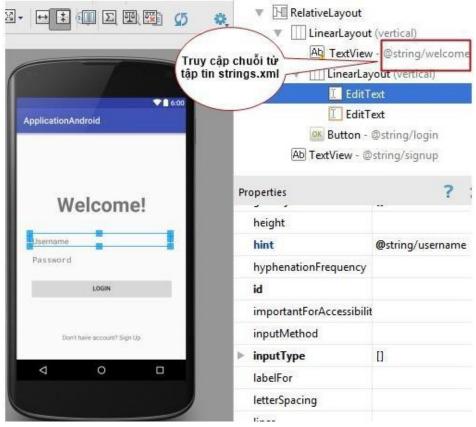
```
<string name="welcome">Xin chào!</string>
<string name="username">Tên đăng nhập</string>
<string name="password">Mật khẩu</string>
<string name="signup">Chưa có tài khoản? Đăng ký</string>
<string name="login">Đăng nhập</string>
```



#### Các bước thực hiện:

Bước 5: Tạo activity tên SampleMultiLangActivity và thiết kế giao

diện sau:.

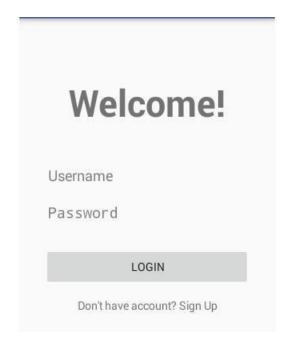




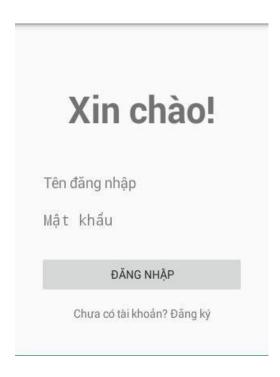
#### Các bước thực hiện:

Bước 6: Chạy ứng dụng.

Ngôn ngữ thiết bị là English



Thay đổi ngôn ngữ thiết bị bằng cách chọn Setting => chọn Language & Input => chọn Tiếng Việt



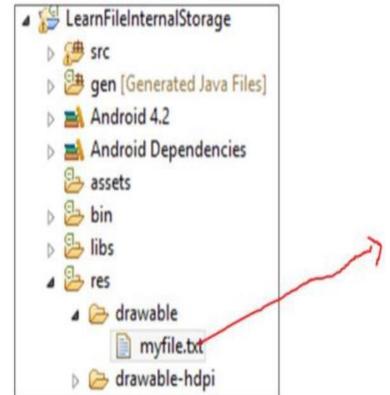


- Xử lý tập tin trong Android thường có 2 công việc là Lưu trữ và
- •đọc dữ liệu.
- Lưu trữ dữ liệu trong android cung cấp nhiều lựa chọn trong việc lưu trữ dữ liệu như:
- Bộ nhớ trong (internal storage)
- Lưu trữ dữ liệu vào bộ nhớ ngoài (external storage)
- Lưu trữ dữ liệu với shared preferences
- Lưu trữ dữ liệu sử dụng sqlite.



#### **Bộ nhớ trong (Internal Storage)** – Đọc tập tin trong Drawable.

Giã sử tạo 1 tập tin myfile.txt và nhập vào nội dung bất kỳ rồi kéo thả tập tin đó vào thư mục drawable. Nếu như ứng dụng không có thư mục drawable thì tự tạo ra thư mục này, tên file cũng không để khoảng trắng và không bắt đầu bằng chữ số.







#### **Bộ nhớ trong (Internal Storage)** – Đọc tập tin trong Drawable.





- 1. Giao diện: Activity main.xml
- 2. Viết đoạn <u>code</u> này vào sự kiện OnClick của nút "Read Data"



- Bộ nhớ trong (Internal Storage) Đọc/Ghi dữ liệu.
- Internal storage là việc lưu trữ dữ liệu cục bộ theo từng ứng dụng
- trên bộ nhớ thiết bị. Dữ liệu sẽ bị mất khi người dùng xoá ứng dụng.
- Xử lý ghi dữ liệu vào bộ nhớ trong (Lưu ý, FileName là tên file mà bạn muốn tạo, str là dữ liệu bạn cần ghi vào bộ nhớ. Dữ liệu này chúng ta có thể lấy từ giao diện của ứng dụng)

```
OutputStream os = openFileOutput("FileName", MODE_APPEND/MODE_PRIVATE);

String str = "Dữ liệu cần ghi";

os.write(str.getBytes());

os.close();
```



- Bộ nhớ trong (Internal Storage) Đọc/Ghi dữ liệu.
- Xử lý đọc dữ liệu từ bộ nhớ trong (Lưu ý, FileName là tên tập tin mà chúng ta cần đọc dữ liệu)

```
FileInputStream fis = openFileInput("fileName");
BufferedReader br = new BufferedReader(new InputStreamReader(fis));
StringBuffer data = new StringBuffer();
String line = "";
while ((line = br.readLine()) != null) {
  data. append(line).append("\n");
}
```



Bộ nhớ ngoài (External Storage) – Đọc/Ghi dữ liệu.

Xử lý ghi dữ liệu vào bộ nhớ ngoài

```
File sdcard = Environment.getExternalStorageDirectory();
File file = new File(sdcard, "FileName");
OutputStream os = new FileOutputStream(file);
String str = "Dữ liệu muốn ghi";
os.write(str.getBytes());
os.close();
```



#### Bộ nhớ ngoài (External Storage) – Đọc/Ghi dữ liệu.

#### Xử lý đọc dữ liệu từ bộ nhớ ngoài

```
File sdcard = Environment.getExternalStorageDirectory();
File file = new File(sdcard, "FileName");
BufferedReader br = new BufferedReader(new FileReader(file));
String line;
//Đọc dữ liệu từ file, nội dụng sau khi đọc sẽ chứa trong biến content
StringBuilder content = new StringBuilder();
while ((line = br.readLine()) != null) {
content.append(line);
 content.append('\n');
br.close();
```



- XML viết tắt của cụm từ "Extensible Markup Language" được dịch là "ngôn ngữ đánh dấu mở rộng". Đây là một dạng ngôn ngữ đánh dấu có chức năng mô tả và truyền dữ liệu khác nhau
- Tập tin XML được dùng để mô tả dữ liệu. Các thẻ tag trong file XML chưa được xác định trước. Do đó, người dùng phải tự định nghĩa trong quá trình tạo file XML.
- **Tác dụng chính của file XML** là đơn giản việc chia sẻ tài nguyên dữ liệu giữa các platform và hệ thống khác nhau, đặc biệt những hệ thống được kết nối mạng. Chính vì thế, XML có tác dụng rất to lớn trong việc trao đổi, chia sẻ giữa các hệ thống.



Cấu trúc tập tin XML

```
<
```

Các website thường xuyên update nội dung như web tin tức, blog thông thường sẽ trả ra các file XML để cho các chương trình bên ngoài có thể đọc được những nội dung đó.



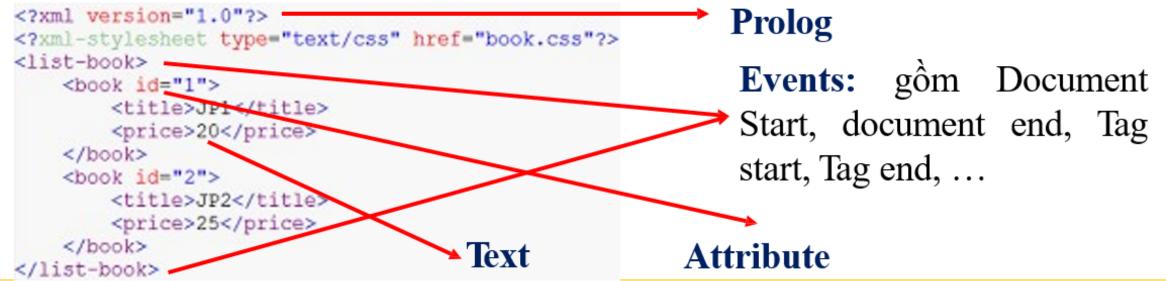
#### • Để đọc file có nội dung dạng chuẩn XML ta có 3 các Parser

|                          | DOM                  | SAX  | XMLPullParser                          |
|--------------------------|----------------------|--|--|
| Cấu Trúc parser          | Cấu trúc cây         | Dựa vào kiểu sự kiện (không điều khiển được) | Dựa vào kiểu sự kiện (điều khiển được) |
| Truy xuất phần tử        | Truy xuất bất<br>kỳ  | Truy xuất tuần tự                            | Truy xuất tuần tự                      |
| Lấy thông tin phần<br>tử | Truy xuất cây<br>DOM | Qua hàm callback                             | Truy xuất qua vòng<br>lặp              |
| Ghi vào tập tin          | Có thể               | Không thể                                    | Có thể                                 |
| Chi phí bộ nhớ           | Nhiều                | Ít nhất                                      | Ít                                     |
| Sử dụng                  | Dễ                   | Khó  | Dễ                                     |



#### **XMLPullParser**

- Là 1 trong số 3 cách Parser dữ liệu trên thì Android khuyến cáo chúng ta sử dụng XMLPulParser, bởi vì nó dễ sử dụng và tốn ít bộ nhớ.
- Cấu trúc của một file XML sẽ bao gồm những cặp thẻ và trong cặp thẻ đó có thể có các thuộc tính hoặc có thể có các giá trị nằm trong cặp thẻ





#### XML - Parsing

Để có thể dùng XmlPullParser trước tiên chúng ta cần phải tạo ra một XmlPullParser, nhưng để tạo được XmlPullParser chúng ta cần phải tạo ra XmlPullParserFactory và gọi newPullParser() để tạo ra một XmlPullParser.

```
private XmlPullParserFactory xmlFactoryObject = XmlPullParserFactory.newInstance();
private XmlPullParser myparser = xmlFactoryObject.newPullParser();
```



#### XML - Parsing

 Sau đó chúng ta cần chỉ định file nội dung cho XmlPullParser. Nội dung là một file XML

#### myParser.setInput(stream, null);

Truy nội dung file XML:

```
int event = myParser.getEventType();
while (event != Xml.PullParser.END_DOCUMENT) {
    String name = XmlPullParser.getName();
    Switch (event) {
        case XmlPullParser.START_TAG:
        ....
}
```



#### XML - Parsing

| getAttributeName(int index) getText() | Trả về tên thuộc tính có index chỉ định Trả về đoạn Text ở giữa thẻ |  |
|---------------------------------------|---|--|
| getAttributeCount()                   | Trả về số thuộc tính có trong Tag.                                  |  |
| getAttributeValue()                   | Lấy các thuộc tính của Tag  |  |
| getName()                             | Trả về tên của Tag.   |  |
|                                       | End,  |  |
|                                       | dụ như: Document Start, Document                                    |  |
| getEventType()                        | Trả về kiểu của Event điang xảy ra. Ví                              |  |



# Câu hỏi Ôn tập

- 1) Đa ngôn ngữ trong ứng dụng Android là gì?
- 2) Trình bày cách xử lý tập tin trong Android?
- 3) XML Parser trong Android là gì?